TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 341/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2018
V/v: "Tranh chấp chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đình Cương
2. Bà Lê Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (số 26 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2017/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 950/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hà Bích M – sinh năm: 1979
Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc V – sinh năm: 1974
Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*
1. Bà Hứa Thị Y – sinh năm: 1964
2. Ông Phạm Thành R – sinh năm: 1964
Địa chỉ: Đường D, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
Ông R và bà Y ủy quyền cho ông Hoàng Văn L – sinh năm 1975, địa chỉ Đường H, Phường I, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh làm đại diện. (có mặt)
(Văn bản ủy quyền ngày 04.9.2014)

3. Ông Nguyễn Văn T – sinh năm: 1940
4. Bà Phạm Thị H – sinh năm: 1942
Địa chỉ: Đường K, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (ông Tám và bà Hai có đơn xin vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Ngọc H – sinh năm: 1996

6. Bà Nguyễn Thị Ngọc N – sinh năm: 1998

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (ông Hiếu và bà Nhi có đơn xin vắng mặt)

7. Em Nguyễn Ngọc Phương L – sinh năm: 2001

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật của em Nguyễn Ngọc Phương L: Bà Hà Bích M (có mặt)

8. Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: số 04 đường 1011, Phạm Thế Hiển, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Quang Thảo – Chủ tịch ủy quyền cho ông Nguyễn Hồng Lam – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 8 làm đại diện. (có đơn xin vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 29.9.2017)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21.4.2014, ngày 28.5.2014, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04.01.2017 và trong quá trình tố tụng, ông Phan Thanh H – đại diện nguyên đơn bà Hà Bích M và bà Hà Bích M - nguyên đơn trình bày:

Năm 1993, ông Nguyễn Ngọc V và bà Hà Bích M được cha, mẹ 02 bên tổ chức lễ cưới và sống chung như vợ chồng.

Năm 1994, ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H (là cha, mẹ ông Vân) có cho bà M và ông V phần đất khoảng 100m^2, trên đất có 01 căn nhà (không số) diện tích khoảng 48m^2 tọa lạc tại hẻm 1007 đường Phạm Thế Hiển, Phường 5, Quận 8 để làm nơi ở.

Năm 1999, ông V và bà M đăng ký kê khai nhà đất với diện tích khuôn viên là 100,84m^2 diện tích xây dựng là 47,84m^2. Năm 2001, căn nhà nói trên được Ủy ban nhân dân Quận 8 tạm cấp số nhà là Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 26.7.2002, ông V được Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 00377/2002 đối với căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích đất được công nhận là 69,5m^2, diện tích xây dựng là 53,5m^2, diện tích sàn xây dựng là 53,5m^2. Trong quá trình làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận, do bà Mai là người Hoa không hiểu biết pháp luật đồng thời không rành tiếng Việt nên toàn bộ hồ sơ có liên quan đến việc cấp giấy đều do ông V tự làm.

Năm 2013, Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 8 tổ chức thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 31/2013/QĐST-DS ngày 09.4.2013 của Tòa án nhân dân Quận 8 thì bà Mai mới biết ông V đã tự ý ký Hợp đồng bán căn nhà

Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Phạm Thành R và bà Hứa Thị Y nên phát sinh tranh chấp.

Bà Hà Bích M khởi kiện yêu cầu:

- Chia ½ giá trị căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hủy Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 00377/2002 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp cho ông V ngày 26.7.2002.

Tại văn bản ngày 01.7.2014, bản tự khai ngày 24.7.2014, biên bản làm việc ngày 06.02.2018 và trong quá trình tố tụng, ông Trịnh Văn H – đại diện bị đơn ông Nguyễn Ngọc V và ông Nguyễn Ngọc V – bị đơn trình bày:

Ông V và bà Hà Bích M sống chung với nhau từ năm 1993.

Nguồn gốc căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là của cha, mẹ ông V là ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H cho ông V, bà M vào năm 1994.

Năm 1999, ông V và bà M đăng ký kê khai nhà đất với diện tích khuôn viên là 100,84m^2 diện tích xây dựng là 47,84m^2. Năm 2001, căn nhà nói trên được Ủy ban nhân dân Quận 8 tạm cấp số nhà là Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và đến ngày 26.7.2002 thì ông V được Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 00377/2002 trong đó diện tích đất được công nhận là 69,5m^2, diện tích xây dựng là 53,5m^2, diện tích sàn xây dựng là 53,5m^2.

Trong quá trình làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận, do bà M là người Hoa không hiểu biết pháp luật đồng thời không rành tiếng Việt nên toàn bộ hồ sơ có liên quan đến việc cấp giấy đều do ông V tự làm, tất cả những giấy tờ cần thiết có liên quan đến bà Mai đều do ông V ký và ghi tên bà M; trong số các giấy tờ nộp tại cơ quan có thẩm quyền để xin cấp Giấy chứng nhận có Tờ cam kết đề ngày 12.6.2002 (với nội dung căn nhà xin cấp giấy chứng nhận là tài sản riêng của ông V) là do ông V ký và ghi tên bà M, bà M hoàn toàn không biết việc này.

Năm 2010, ông V vay tiền của ông Phạm Thành R và bà Hứa Thị Y nhưng do không có khả năng để trả nên ngày 20.8.2011 tại Phòng Công chứng số 2 – Thành phố Hồ Chí Minh ông V ký Hợp đồng số 025889/HĐ-MBCC bán căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Hứa Thị Y, sau đó do ông V không giao được nhà nên phát sinh tranh chấp. Căn nhà nói trên hiện ông Phạm Thành R và bà Hứa Thị Y đang đứng tên trên Giấy chứng nhận.

Ngày 09.4.2013, tại Quyết định số 31/2013/QĐST-DS ngày 09.4.2013 Tòa án nhân dân Quận 8 đã công nhận sự thỏa thuận giữa bà Hứa Thị Y, ông Phạm Thành R với ông Nguyễn Ngọc V với nội dung:

"Ông Nguyễn Ngọc V có trách nhiệm thanh toán cho bà Hứa Thị Y và ông Phạm Thành R số tiền là 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu) đồng chậm nhất đến ngày 30.4.2013. Sau khi thanh toán xong, các bên có trách nhiệm tiến hành các thủ tục để hủy bỏ hợp đồng mua bán nhà đồng thời tiến hành các thủ tục để thay đổi chủ quyền căn nhà cho ông V.

Nếu sau ngày 30.4.2013, ông V không giao đủ tiền thì phải bàn giao căn nhà cho ông R, bà Y".

Trong quá trình Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 8 tổ chức thi hành Quyết định của Tòa án nhân dân Quận 8 thì bà Hà Bích M tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Ông V xác định căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của cha, mẹ cho chung ông và bà M. Do trước đây công việc kinh doanh gặp thất bại nên ông đã giấu bà M và tự ý ký hợp đồng bán nhà cho ông R và bà Y.

Việc bà M khởi kiện yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh đồng thời yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 00377/2002 của Ủy ban nhân dân quận 8, ông V đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

Ông Hoàng Văn L – đại diện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hứa Thị Y và ông Phạm Thành R trình bày:

Năm 2010, bà Y và ông R có cho ông Nguyễn Ngọc V vay 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Do không thanh toán được nợ nên ngày 20.8.2011 tại Phòng Công chứng số 2 ông Vân có ký Hợp đồng số 025889/HĐ-MBCC bán căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Hứa Thị Y; việc mua bán nhà đã hoàn tất, hiện căn nhà nói trên ông Phan Thành R và bà Hứa Thị Y đang đứng tên trên Giấy chứng nhận. Tuy nhiên, do ông V không giao nhà nên bà Y đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 8, giải quyết.

Tại Quyết định số 31/2013/QĐST-DS ngày 09.4.2013 của Tòa án nhân dân Quận 8, ông V, bà Y và ông R đã có thỏa thuận các nội dung như ông V đã trình bày.

Trong quá trình Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 8 tổ chức thi hành Quyết định của Tòa án nhân dân Quận 8 thì bà Hà Bích M cho rằng căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông V và bà M nên khởi kiện yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà; cho đến thời điểm này Quyết định số 31/2013/QĐST-DS ngày 09.4.2013 của Tòa án nhân dân Quận 8 chưa được thi hành.

Ông R và bà Y không có ý kiến gì đối với tranh chấp giữa bà Mai và ông V chỉ yêu cầu ông V thi hành các nội dung đã thỏa thuận tại Quyết định số 31/2013/QĐST-DS ngày 09.4.2013 của Tòa án nhân dân Quận 8.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H trình bày:

Ông, Bà là cha, mẹ ruột của ông Nguyễn Ngọc V. Trước đây Ông, Bà có làm giấy tặng cho ông V và bà Hà Bích M (là con trai và con dâu) phần đất và căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để các con có nơi ở ổn định và sinh sống.

Đối với tranh chấp giữa bà Hà Bích M và ông Nguyễn Ngọc V, ông T và bà H không có ý kiến và yêu cầu gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:

Ông H và bà N là con của bà Hà Bích M và ông Nguyễn Ngọc V, hiện cả 02 đang sinh sống trong căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông H và bà N không có ý kiến gì đối với tranh chấp giữa bà M với ông V.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan em Nguyễn Ngọc Phương L (do bà Hà Bích M làm đại diện) trình bày:

Em L là con của bà Hà Bích M và ông Nguyễn Ngọc V, hiện L đang sinh sống trong căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với tranh chấp giữa bà M với ông V, em L không có ý kiến và yêu cầu gì.

Ông Nguyễn Hồng Lam – đại diện Ủy ban nhân dân Quận 8 trình bày:

Nguồn gốc nhà, đất Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông Nguyễn Văn T (cha ruột ông Nguyễn Ngọc V) sử dụng trước năm 1975, nhà được xây dựng năm 1991.

Năm 1994, ông T cho căn nhà trên cho ông V. Năm 1999, ông V và bà Hà Bích M đăng ký kê khai nhà, đất diện tích khuôn viên là 100,84m^2, diện tích xây dựng là 47,84m^2.

Năm 2001, căn nhà nói trên được Ủy ban nhân dân Quận 8 tạm cấp số nhà (theo Thông báo số 2224/TB-UB ngày 16.4.2001) là Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2002, ông V có đơn xin cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở đối với căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thành phần hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận có Tờ cam kết của bà M xác định đây là tài sản riêng của ông V, đến ngày 26.7.2002 ông V được Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở với diện tích đất được công nhận là 69,5m^2, diện tích xây dựng là 53,5m^2, diện tích sàn xây dựng là 53,5m^2.

Ngày 20.8.2011, tại Phòng Công chứng số 2 ông V lập hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ở đối với căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Hứa Thị Y và Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất Quận 8 cập nhật biến động thay đổi chủ sở hữu ngày 20.9.2011.

Việc cấp và cập nhật Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà, đất Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng trình tự, thủ tục.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Hà Bích M vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu chia tài chung như đã nêu trên. Riêng đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 00377/2002 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp cho ông V ngày 26.7.2002, bà M tự nguyện rút lại không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Bị đơn ông Nguyễn Ngọc V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Hoàng Văn L – đại diện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thành R và bà Hứa Thị Y không có ý kiến và yêu cầu gì đối với tranh chấp giữa bà M và ông V.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Vụ án được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý đúng thẩm quyền; việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự tuân thủ đúng pháp luật; gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

+ Phiên tòa được tiến hành đúng thời gian, địa điểm; thành phần Hội đồng xét xử đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trong quá trình xét xử, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng nguyên tắc xét xử, đảm bảo cho các bên đương sự được phát biểu ý kiến, trình bày quan điểm và tranh luận tại phiên tòa.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung đối với căn nhà số Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 219 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Vân phải trả lại cho bà M ½ giá trị nhà, đất theo biên bản

định giá ngày 12.11.2014 (Quyết định định giá tài sản số: 02/2014/QĐ-ĐGTS ngày 29.10.2014 của Tòa án nhân dân Quận 8).

Riêng đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 00377/2002 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp cho ông V ngày ngày 26.7.2002, do nguyên đơn bà Hà Bích M đã rút lại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Hà Bích M và ông Nguyễn Ngọc V là Tranh chấp về chia tài sản chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tài sản có liên quan đến tranh chấp là nhà, đất tọa lạc tại Quận 8 đồng thời yêu cầu của nguyên đơn có liên quan đến việc hủy quyết định cá biệt của Ủy ban nhân dân Quận 8 nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, sau khi cung cấp lời khai và trình bày ý kiến, bị đơn ông Nguyễn Ngọc V và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc N, em Nguyễn Ngọc Phương L (do bà Hà Bích M làm đại diện) và đại diện Ủy ban nhân dân Quận 8 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Hà Bích M đối với căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời trình bày của bà M, lời thừa nhận của ông Nguyễn Ngọc V thì bà M và ông V sống chung với nhau từ năm 1993, đến năm 1994 cả 02 được ông T và bà H (là cha, mẹ ông V) cho phần đất và căn nhà hiện nay mang số Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; căn nhà này ông V và bà M đứng tên kê khai tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8 ngày 16.9.1999. Theo lời trình bày của đại diện Ủy ban nhân dân Quận 8 thì năm 2002, ông V có đơn xin cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở đối với căn nhà số 1107/152, trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận có Tờ cam kết của bà Mai đề ngày 12.6.2002 xác định đây là tài sản riêng của ông V nên ngày 26.7.2002, ông V được Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 00377/2002 đối với căn nhà nói trên. Khi cung cấp lời khai cho Tòa ông V thừa nhận vào năm 2002, ông tiến hành

làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận do bà M là người Hoa, không hiểu biết về pháp luật, không biết chữ và không biết ký tên nên chữ ký và chữ viết trong Tờ cam kết ngày 12.6.2002 là do ông viết và ký chứ không phải bà Mai đồng thời ông V cũng thừa nhận căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông T và bà H tặng cho ông và bà M vào năm 1994 chứ không phải tặng riêng cho cá nhân ông. Từ lời khai thừa nhận của ông V, lời thừa nhận của ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị H cùng các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ có cơ sở xác định căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của bà Hà Bích M và ông Nguyễn Ngọc V; trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện, cả bà M và ông V đều không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc đóng góp công sức vào tài sản chung nhiều hơn nên việc bà M khởi kiện yêu cầu chia ½ căn nhà là phù hợp với quy định tại Điều 219 Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hà Bích M về việc nhận giá trị nhà. Căn cứ Biên bản định giá ngày 12.11.2014 thể hiện tổng giá trị nhà, đất tọa lạc tại số Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là 1.488.119.000 (một tỷ bốn trăm tám mươi tám nghìn một trăm mười chín) đồng. Như vậy, ông V có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà M ½ giá trị nhà, đất tương đương số tiền là 744.059.500 (bảy trăm bốn mươi bốn triệu không trăm năm mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 00377/2002 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp cho ông V ngày ngày 26.7.2002, tại phiên tòa bà M đã tự nguyện rút lại nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

- Bị đơn ông Nguyễn Ngọc V và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Đối với chi phí định giá là 2.000.000 (hai triệu) đồng (do ông Phan Thanh H – đại diện bà Hà Bích M đã nộp cho Tòa án nhân dân Quận 8 ngày 29.9.2014): Nguyên đơn tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Bà M và ông V phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mỗi người được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 219 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 quy định về lệ phí, án phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13.6.2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lệ phí, án phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 00377/2002 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp cho ông Nguyễn Ngọc V ngày 26.7.2002.

2. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn bà Hà Bích M.

Căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của bà Hà Bích M và ông Nguyễn Ngọc V.

Buộc ông Nguyễn Ngọc V phải hoàn trả cho bà M ½ giá trị nhà, đất tọa lạc tại Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh tương đương số tiền là 744.059.500 (bảy trăm bốn mươi bốn triệu không trăm năm mươi chín nghìn năm trăm) đồng. Thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Ngọc V chịu 33.762.400 (ba mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm) đồng.

- Bà Hà Bích M chịu 33.762.400 (ba mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm) đồng, được tính cấn trừ số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng theo biên lai thu số AE/2012/03138 ngày 03.6.2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà M còn phải nộp thêm số tiền là 17.762.400 (mười bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; mức lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Hà Bích M, ông Phạm Thành R, bà Hứa Thị Y và em Nguyễn Ngọc Phương L (do bà M làm đại diện) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Ngọc V, ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc N và Ủy ban nhân dân Quận 8 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 8, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan